

CÔNG TY CỔ PHẦN CỔ PHẦN QUỐC TẾ GB
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CỔ PHẦN QUỐC TẾ GB

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GB INTERNATIONAL JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: GB INTERNATIONAL., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108533596

3. Ngày thành lập: 04/12/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 44B, ngõ 132 Nguyễn Xiển, Phường Hạ Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0974656113

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
2.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: - Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
3.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Trừ hoạt động đấu giá)	4512
4.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
5.	Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);	7020
6.	Quảng cáo	7310
7.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5630
8.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5510

9.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Vận tải hàng khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; - Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác; - Hoạt động của cáp treo, đường sắt leo núi.	4932
10.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
11.	Điều hành tua du lịch	7912
12.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4513
13.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế	4659
14.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ loại cấm)	4620
15.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
16.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật Chi tiết: - Dạy piano và dạy các môn âm nhạc khác; - Dạy hội hoạ; - Dạy nhảy;	8552
17.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Các dịch vụ dạy kèm(gia sư); - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính.	8559
18.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
19.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
20.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
21.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320

22.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự	4649
23.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
24.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
25.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: - Cho thuê máy móc và thiết bị nông lâm nghiệp không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy móc và thiết bị xây dựng và kỹ thuật dân dụng không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy móc và thiết bị văn phòng không kèm người điều khiển;	7730
26.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
27.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
28.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ quản lý bất động sản; - Dịch vụ môi giới bất động sản; - Dịch vụ tư vấn bất động sản;	6820
29.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4511
30.	Giáo dục nhà trẻ	8511
31.	Giáo dục mẫu giáo	8512
32.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Hoạt động kiến trúc	7110
33.	Đào tạo trung cấp	8532
34.	Đào tạo cao đẳng	8533
35.	Xây dựng nhà để ở	4101
36.	Xây dựng nhà không để ở	4102
37.	Phá dỡ	4311
38.	Đại lý du lịch	7911
39.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và dịch vụ điều tra);	7320

40.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
41.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào	4634
42.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
43.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
44.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5610
45.	Xây dựng công trình điện	4221
46.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
47.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay	5229
48.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
49.	Bán buôn thực phẩm	4632
50.	Bán buôn đồ uống	4633
51.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
52.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
53.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng; - Lắp đặt hệ thống thiết bị nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng	4329
54.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: - Hoạt động trang trí nội thất.	7410
55.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
56.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: - Tư vấn du học	8560(Chính)
57.	Cung ứng lao động tạm thời	7820

58.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: - Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước - Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài	7830
59.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
60.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
61.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: - Xây dựng công trình khác không phải nhà như: công trình thể thao ngoài trời. - Chia tách đất với cải tạo đất (ví dụ: đắp, mở rộng đường, cơ sở hạ tầng công...).	4299
62.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
63.	Dịch vụ ăn uống khác (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5629
64.	Giáo dục thể thao và giải trí Chi tiết: - Dạy các môn thể thao (ví dụ như bóng chày, bóng rổ, bóng đá, v.v.); - Dạy thể thao, cắm trại; - Dạy thể dục; - Dạy bơi; - Dạy võ thuật; - Dạy yoga.	8551

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	PHẠM VĂN ĐỨC	Xóm 6, Hải Cường, Xã Hải Cường, Huyện Hải Hậu, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	255.000	2.550.000.000	51,000	036087007150	
			Tổng số	255.000	2.550.000.000	51,000		
2	LÊ HẢI ĐĂNG	Số 176, đường Thịnh Lang, Tổ 23, Phường Tân Thịnh, Thành phố Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	10,000	113110651	
			Tổng số	50.000	500.000.000	10,000		
3	QUÁCH TUẤN DƯƠNG	Xóm Tân Thành, Xã Tân Thành, Huyện Lương Sơn, Tỉnh Hòa Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	145.000	1.450.000.000	29,000	113108061	
			Tổng số	145.000	1.450.000.000	29,000		
4	NGUYỄN NGỌC LUYNH	Thôn Hoàn Đông, xóm 12, Xã Bình Hòa, Huyện Giao Thủy, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	10,000	162611692	
			Tổng số	50.000	500.000.000	10,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: PHẠM VĂN ĐỨC

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 26/07/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 036087007150

Ngày cấp: 11/04/2018

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 6, Hải Cường, Xã Hải Cường, Huyện Hải Hậu, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Xóm 6, Hải Cường, Xã Hải Cường, Huyện Hải Hậu, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội